

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn và cấp dưỡng  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Lê Thị Xuân Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa,  
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST-HNGĐ  
ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi  
ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Phạm Thùy P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 171/2 ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ tạm trú: ấp B1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L

*Bị đơn:* Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 171/2 ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ tạm trú: ấp B1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L

**(Bà Lê Phạm Thùy P, ông Lê Hoàng T có mặt)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và  
tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Phạm Thùy P trình bày: Bà và ông Lê Hoàng T  
có tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại  
Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đ vào ngày 06/10/2014. Trong quá trình  
chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay bà P

xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/11/2015 và Lê Hoàng Phương V, sinh năm 17/01/2019. Cháu Lê Hoàng N hiện tại sống chung với ông T còn cháu Lê Hoàng Phương V hiện tại đang sống với bà. Khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà P và ông T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà P và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Hoàng T trình bày:* Ông và bà Lê Phạm Thùy P có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đ như bà P trình bày. Cuộc sống vợ chồng khi sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng ý kiến hay cãi vã. Cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, không còn khả năng hàn gắn. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Nay bà P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/11/2015 và Lê Hoàng Phương V, sinh năm 17/01/2019. Cháu Lê Hoàng N hiện tại sống chung với ông còn cháu Lê Hoàng Phương V hiện tại đang sống với bà P. Khi ly hôn ông T đề nghị được nuôi hai con chung không yêu cầu bà P cấp dưỡng. Việc bà P yêu cầu nuôi hai con ông không đồng ý vì bà P hiện nay không có chỗ ở ổn định, chuyển nhà trọ liên tục không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Phạm Thùy P trình bày:* Hai con chung cần phải sống chung với nhau để có tình cảm của an hem ruột và bà đề nghị được nuôi dưỡng hai con, về chứng minh thu nhập để nuôi con bà P cho rằng hiện nay bà làm nhân viên kinh doanh cho công ty tài chính SHB lương trung bình mỗi tháng từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi hai con. Ngoài ra bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000đồng/1 tháng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hoàng T trình bày:* Ông cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, trường hợp bà P cương quyết nuôi con thì ông đề nghị được nuôi cháu Lê Hoàng N, không yêu cầu bà P cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà P tha thiết được nuôi con hai chung để hai

con có tình cảm của hai anh em nên ông đồng ý để cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000đồng/1 tháng cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Phạm Thùy P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng T. Ông Lê Hoàng T hiện đang tạm trú tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phạm Thùy P:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 91/2014 quyền số 01/09 đăng ký ngày 06/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đ cấp nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, giữa bà P và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại bản tự khai ngày 08/3/2022 và tại phiên tòa, ông T xác định không còn tình cảm gì với bà P, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà P nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng về quan hệ hôn nhân chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Lê Phạm Thùy P yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng T là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Phạm Thùy P với ông Lê Hoàng T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất tự nguyện thỏa thuận bà Lê Phạm Thùy P được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/11/2015 và Lê Hoàng Phương V, sinh năm 17/01/2019. Do đó, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất tự nguyện thỏa thuận ông Lê Hoàng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng) cho đến khi cháu Lê Hoàng N và cháu Lê Hoàng Phương V đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung giữa bà P và ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về thời gian cấp dưỡng: Do bà P, ông T không xác định thời gian cấp dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.5]. Về tài sản chung: Bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lê Phạm Thùy P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Buộc ông Lê Hoàng T chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của **Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ **điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Phạm Thùy P về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung” đối với bị đơn ông Lê Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T.

Bà Lê Phạm Thùy P được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Phạm Thùy P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/11/2015 và Lê Hoàng Phương V, sinh năm 17/01/2019. Ông Lê Hoàng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đồng/tháng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Lê Hoàng N và Lê Hoàng Phương V đủ 18 tuổi.

Về thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Phạm Thùy P và ông Lê Hoàng T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lê Phạm Thùy P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009854 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Lê Phạm Thùy P đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Lê Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Hoàng T chưa nộp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Lê Phạm Thùy P và bị đơn là ông Lê Hoàng T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu án văn.

**Trần Văn Thành**